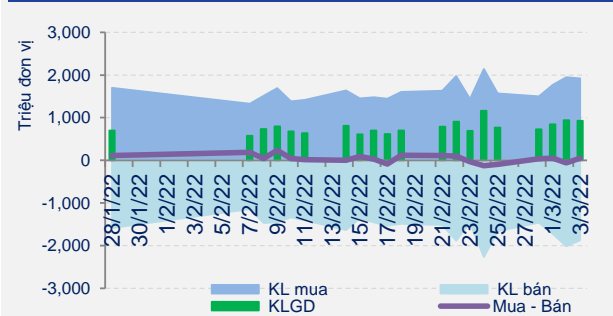
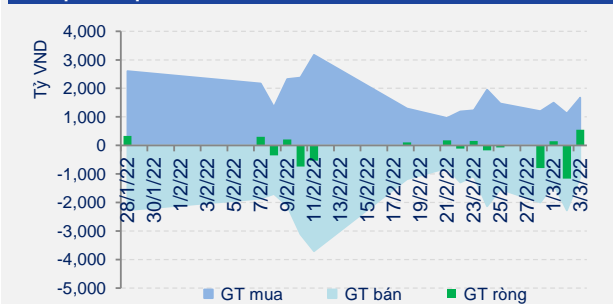


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 3/3/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,505.00	449.31
% Thay đổi	↑ 1.31%	↑ 1.60%
KLGD (CP)	929,218,188	122,727,322
GTGD (tỷ đồng)	30,162.75	3,684.69
Tổng cung (CP)	1,871,451,900	177,582,000
Tổng cầu (CP)	1,919,259,000	160,995,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	28,822,066	720,512
KL mua (CP)	44,469,970	967,300
GT mua (tỷ đồng)	1,673.29	47.19
GT bán (tỷ đồng)	1,123.60	21.54
GT ròng (tỷ đồng)	549.69	25.65

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.43%	21.0	3.5	0.7%
Công nghiệp	↑ 2.06%	22.9	3.3	13.2%
Dầu khí	↑ 1.46%	20.6	2.3	3.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.03%	-	10.7	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.36%	17.0	2.7	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.70%	18.9	3.7	10.3%
Ngân hàng	↑ 1.23%	12.2	2.4	12.7%
Nguyên vật liệu	↑ 4.46%	10.3	2.4	29.8%
Tài chính	↑ 0.94%	20.3	3.2	24.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.70%	19.0	2.9	2.4%
VN - Index	↑ 1.31%	17.0	3.2	
HNX - Index	↑ 1.60%	21.3	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Chủ tịch Fed Jerome Powell trong phiên điều trần trước Hạ viện Mỹ vào đêm qua đã có động thái trấn an các nhà đầu tư khi nêu quan điểm ủng hộ việc tăng lãi suất 0,25% trong tháng 3 này. Điều này rõ ràng là tích cực hơn so với dự đoán 0,5% đưa ra trước đó. Thị trường Mỹ ngay lập tức hồi phục lại toàn bộ số điểm đã mất trước đó và thị trường Việt Nam thậm chí còn tích cực hơn khi một lần nữa chỉ số VN-Index lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Cụ thể, kết thúc phiên hôm nay, chỉ số VN-Index tăng 19,48 điểm (+1,31%) lên 1.505 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 337 mã tăng (34 mã tăng trần), 54 mã tham chiếu, 115 mã giảm (1 mã giảm sàn). Cổ phiếu HPG (+6,8%) là tâm điểm trong phiên hôm nay khi tăng trần và lập kỷ lục thanh khoản với hơn 76,2 triệu cổ phiếu khớp lệnh trên sàn. Riêng mã này đã đóng góp tới 3,66 điểm vào mức tăng của VN-Index. Các cổ phiếu thép khác cũng tăng rất tốt như HSG (+6,2%), NKG (+6,2%), TLH (+5,4%), TVN (+6,8%)... Nhóm cổ phiếu hóa chất cũng tiếp tục xu hướng tăng trong thời gian gần đây với các mã DGC (+7%), DCM (+2,1%), DDV (+5,4%), CSV (+5,4%)... Trong nhóm VN30 (+1,59%) có đến 24/30 mã tăng là động lực chính dẫn dắt thị trường tăng điểm, ngoại trừ HPG (+6,8% tăng trần, có thể kể đến các mã tăng khá tốt như HDB (+3,3%), VPB (+2,6%), GVR (+2,5%), NVL (+2,1%), PLX (+2,1%), CTG (+1,9%), STB (+1,9%), MBB (+1,8%), ACB (+1,7%), KDH (+1,7%)... Cổ phiếu cảng biển và vận tải biển cũng có một phiên giao dịch tương bằng với PVT (+6,9%), GMD (+6,9%), HAH (+6,9%), VOS (+7%), PVP (+10,2%), SGP (+8,9%), VSC (+7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thị trường trở nên tích cực hơn với tin hỗ trợ từ chủ tịch FED trong phiên điều trần trước Hạ viện đêm qua. Căng thẳng giữa Nga và Ukraine trong đêm qua cũng chưa có gì đặc biệt, ngoại trừ việc khiến các loại hàng hóa tiếp tục xu hướng tăng mạnh và điều này đã có tác động tích cực đối với một số nhóm cổ phiếu trên thị trường Việt Nam, có thể kể đến như thép, dầu khí, hóa chất, phân bón, than. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index lấy lại được ngưỡng tâm lý 1.500 điểm sau phiên hôm nay đã mở ra khả năng tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới nếu như tình hình trên thế giới được cải thiện. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 4/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm. Những nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và quan sát thị trường.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **3/3/2022**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện ngay từ đầu phiên và mạnh dần lên cho đến hết phiên giúp chỉ số này kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 19,48 điểm (+1,31%) lên 1.505 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG tăng 3.200 đồng, VPB tăng 950 đồng, GVR tăng 900 đồng. Ở chiều ngược lại, SAB giảm 1.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến cuối phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 449,33 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 7,06 điểm (+1,6%) lên 449,31 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 2.000 đồng, HUT tăng 1.600 đồng, BAB tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 500 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 549,69 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 15,6 triệu cổ phiếu. DGC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 86,9 tỷ đồng tương ứng với 506,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DCM với 66,9 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, YEG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 41,8 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 26,01 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 247 nghìn cổ phiếu. IDC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 32 tỷ đồng tương ứng với 413 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVG với 2,1 tỷ đồng tương ứng với 130,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 7,8 tỷ đồng tương ứng với 218 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là lực cầu mua lên trong phiên hôm nay là tương đối tốt đã hấp thụ được hoàn toàn lượng cung bán ra.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục khá tốt hôm nay (+1,31%) thì chỉ số VN-Index đã lấy lại được ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Điều này giúp cho xu hướng tăng của thị trường được cải thiện và khả năng để tiếp tục vươn tới những vùng giá cao hơn trong thời gian tới là hoàn toàn có thể diễn ra.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 4/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với vùng kháng cự 1.530-1.550 điểm.

Tuy nhiên, nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm, hay xa hơn là vùng hỗ trợ trong khoảng 1.490-1.500 điểm (MA20-50).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Tiến tới bình thường hóa với dịch bệnh, xem COVID-19 là bệnh đặc hữu

Thủ tướng dự báo, tình hình tháng 3 và những tháng tới sẽ tiếp tục có khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi và thời cơ, nhiều diễn biến không dự báo được. Người đứng đầu Chính phủ nhấn mạnh các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thời gian tới.



TIN TRONG NƯỚC

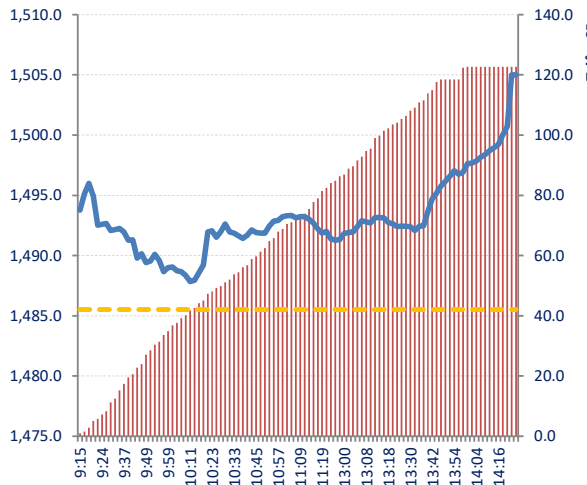
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 65,85 - 67,25 triệu đồng/lượng, giảm 450.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 3/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.143 VND/USD, tăng 10 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

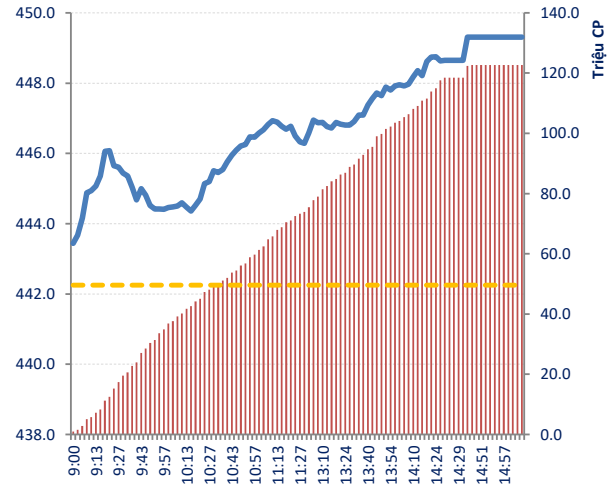
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 6,05 USD/ounce tương ứng với 0,32% lên 1.928,55 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,248 điểm tương ứng 0,25% lên 97,662 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1079 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3378 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,75 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2,93 USD/thùng tương ứng với 2,65% lên 113,62 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng	Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/3, Dow Jones tăng 596,4 điểm tương đương 1,79% lên 33.891,35 điểm. Nasdaq tăng 219,56 điểm tương đương 1,62% lên 13.752,02 điểm. Nasdaq Composite tăng 80,28 điểm tương đương 1,86% lên 4.386,54 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

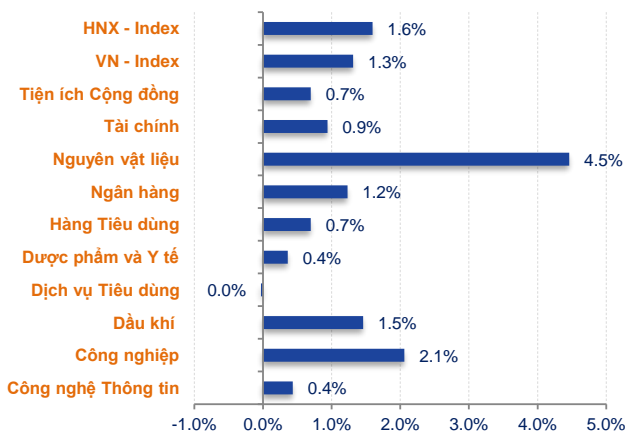
KLGD và VN-Index trong phiên



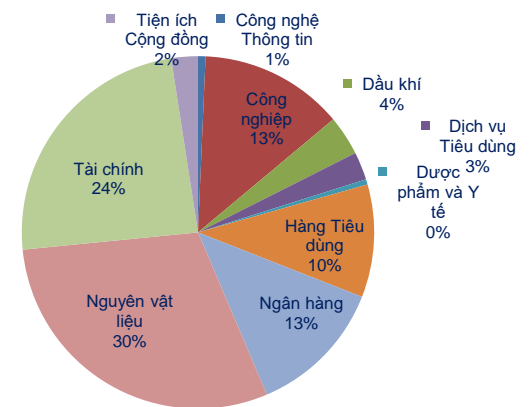
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



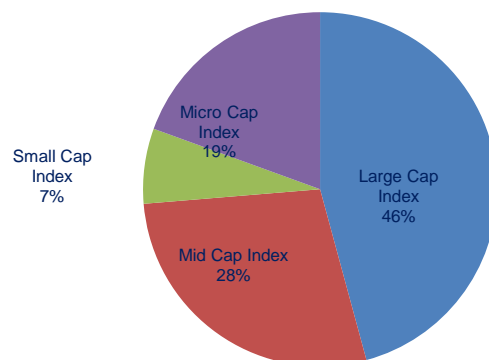
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	LPB	2,094,800	YEG	1,505,996
2	STB	2,008,200	PVT	1,213,200
3	DCM	1,680,100	POW	1,137,500
4	HPG	1,268,300	E1VFN30	759,300
5	GEX	1,164,200	VIC	492,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	413,000	TNG	218,312
2	PVG	130,700	SD6	80,000
3	SCI	47,100	C69	35,000
4	PLC	43,000	SHS	31,600
5	C92	37,800	PCG	29,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	46.90	50.10	↑ 6.82%	77,844,000
MBB	32.50	33.10	↑ 1.85%	30,474,900
FLC	12.90	13.00	↑ 0.78%	25,571,800
HSG	39.65	42.10	↑ 6.18%	21,225,000
VPB	36.50	37.45	↑ 2.60%	20,235,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	37.30	37.30	→ 0.00%	12,682,194
TNG	34.10	36.70	↑ 7.62%	6,879,722
KLF	6.10	6.20	↑ 1.64%	6,025,342
IDC	75.50	78.20	↑ 3.58%	5,317,015
BII	13.50	14.40	↑ 6.67%	4,847,513

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GSP	15.00	16.05	1.05	↑ 7.00%
TCO	19.30	20.65	1.35	↑ 6.99%
PXI	7.29	7.80	0.51	↑ 7.00%
VSC	41.50	44.40	2.90	↑ 6.99%
MCG	9.16	9.80	0.64	↑ 6.99%

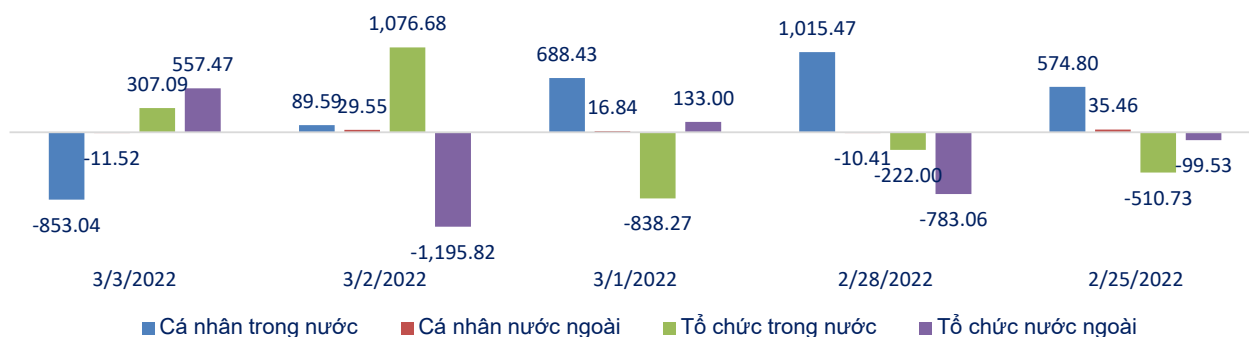
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KTS	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
PHN	39.30	43.20	3.90	↑ 9.92%
PMP	27.30	30.00	2.70	↑ 9.89%
PBP	32.40	35.60	3.20	↑ 9.88%
CKV	19.30	21.20	1.90	↑ 9.84%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VAF	14.85	13.85	-1.00	↓ -6.73%
LGC	49.80	46.45	-3.35	↓ -6.73%
ACC	24.50	23.00	-1.50	↓ -6.12%
VRC	35.00	33.00	-2.00	↓ -5.71%
CVT	44.50	42.35	-2.15	↓ -4.83%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	47.00	42.50	-4.50	↓ -9.57%
HTP	47.00	42.60	-4.40	↓ -9.36%
KHS	33.50	30.70	-2.80	↓ -8.36%
TSB	12.00	11.10	-0.90	↓ -7.50%
VE2	14.20	13.20	-1.00	↓ -7.04%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	249.84	45.9%	13,959	11.9	5.5
VHM	74.86	35.3%	9,036	8.6	2.6
PVT	54.26	10.1%	2,056	12.6	1.3
MSB	51.19	20.7%	2,668	9.6	1.8
VIC	42.13	-1.9%	(717)	-	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-139.22	46.0%	7,708	6.1	2.3
DXG	-133.52	10.3%	1,942	22.4	1.9
VPB	-130.44	17.0%	2,662	13.7	1.9
STB	-116.47	10.8%	1,855	16.8	1.7
MBB	-108.25	22.6%	3,361	9.7	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3.38	10.8%	1,855	16.8	1.7
NLG	3.05	10.5%	3,155	17.7	1.6
MSN	2.38	25.4%	7,269	21.6	4.4
DLG	1.35	0.7%	53	137.0	0.9
VCB	1.32	21.3%	4,629	18.4	3.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-10.15	46.0%	7,708	6.1	2.3
PVD	-8.50	0.1%	46	795.5	1.1
PVT	-4.19	10.1%	2,056	12.6	1.3
TDM	-1.59	18.8%	3,286	11.0	2.0
VJC	-1.42	7.5%	2,242	64.7	4.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	137.96	17.0%	2,662	13.7	1.9
MBB	109.04	22.6%	3,361	9.7	2.0
DXG	108.01	10.3%	1,942	22.4	1.9
APH	80.43	1.1%	224	119.5	1.1
VNG	77.04	0.2%	20	860.9	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-336.77	45.9%	13,959	11.9	5.5
VHM	-102.82	35.3%	9,036	8.6	2.6
MSB	-50.46	20.7%	2,668	9.6	1.8
DPM	-31.56	32.9%	7,964	7.5	2.2
HSG	-27.20	47.7%	8,931	4.4	1.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	87.12	45.9%	13,959	11.9	5.5
HPG	73.90	46.0%	7,708	6.1	2.3
DCM	67.01	27.5%	3,623	10.8	2.7
STB	59.73	10.8%	1,855	16.8	1.7
KBC	53.73	5.8%	1,587	35.4	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
YEG	-41.89	1.9%	534	55.8	1.3
VIC	-39.62	-1.9%	(717)	-	1.9
PVT	-29.08	10.1%	2,056	12.6	1.3
VNM	-20.40	30.3%	5,042	15.6	4.6
POW	-19.85	5.6%	760	23.0	1.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	77,844,000	46.0%	7,708	6.1	2.3
MBB	30,474,900	3250.0%	3,361	9.7	2.0
FLC	25,571,800	0.7%	119	108.4	0.9
HSG	21,225,000	47.7%	8,931	4.4	1.7
VPB	20,235,000	17.0%	2,662	13.7	1.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	12,682,194	4.7%	1,260	29.6	1.4
TNG	6,879,722	17.8%	2,725	12.5	2.0
KLF	6,025,342	0.4%	40	151.0	0.6
IDC	5,317,015	9.6%	1,508	50.1	4.8
BII	4,847,513	5.4%	567	23.8	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GSP	↑ 7.0%	10.0%	1,533	9.8	1.3
TCO	↑ 7.0%	17.6%	2,587	7.5	1.2
PXI	↑ 7.0%	-14.7%	(1,010)	-	1.0
VSC	↑ 7.0%	13.5%	5,534	7.5	1.5
MCG	↑ 7.0%	-17.0%	(707)	-	2.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KTS	↑ 10.0%	2.9%	945	21.2	0.6
PHN	↑ 9.9%	27.0%	4,194	9.4	2.6
PMP	↑ 9.9%	10.3%	1,601	17.1	1.8
PBP	↑ 9.9%	9.2%	1,209	26.8	2.5
CKV	↑ 9.8%	2.4%	491	39.3	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	2,094,800	18.5%	2,381	9.0	1.6
STB	2,008,200	10.8%	1,855	16.8	1.7
DCM	1,680,100	27.5%	3,623	10.8	2.7
HPG	1,268,300	46.0%	7,708	6.1	2.3
GEX	1,164,200	7.3%	1,490	26.8	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	413,000	9.6%	1,508	50.1	4.8
PVG	130,700	2.8%	379	41.7	1.2
SCI	47,100	32.5%	5,344	5.8	1.9
PLC	43,000	12.0%	1,940	24.1	2.8
C92	37,800	1.7%	194	43.2	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	402,264	21.3%	4,629	18.4	3.6
VHM	337,463	35.3%	9,036	8.6	2.6
VIC	300,920	-1.9%	(717)	-	1.9
GAS	228,143	17.1%	4,531	26.3	4.4
BID	214,734	12.7%	2,090	20.3	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,270	21.8%	2,805	61.4	9.5
KSF	32,640	9.1%	1,387	78.5	5.5
IDC	22,650	9.6%	1,508	50.1	4.8
CEO	18,014	2.7%	362	193.4	5.1
PVS	17,828	4.7%	1,260	29.6	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGR	4.64	4.7%	566	52.8	2.6
DRH	4.63	1.6%	232	112.3	1.8
NHA	4.58	0.8%	81	763.4	6.1
NBB	4.51	18.2%	4,126	8.1	1.7
DIG	4.39	15.3%	2,210	41.8	6.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.92	7.0%	343	38.5	2.6
VC7	2.76	2.6%	354	67.5	2.2
L14	2.71	39.0%	8,000	47.4	13.5
L18	2.69	6.7%	877	69.5	4.3
CEO	2.68	2.7%	362	193.4	5.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
